



CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ
THỰC PHẨM ĐỒ UỐNG
TRỌNG TÍN

Máy dò kim loại

Catalog



MỤC LỤC

THIẾT BỊ



Chúng tôi chế tạo và cung cấp thiết bị kiểm tra với tư cách là nhà sản xuất hàng đầu tại Nhật Bản, chúng tôi cung cấp các model phù hợp với yêu cầu của bạn dựa trên kinh nghiệm lâu năm trong ngành.

TÊN SẢN PHẨM	TRANG SỐ
Máy dò kim loại - seri NA	04
Máy dò kim loại từ tính - seri NT	09
Máy X-ray - seri NiX	15
Cân kiểm tra - DenoWay & denoX	19
Hệ thống nam châm	22
Máy dò lỗ rò	24
Máy dò rò rỉ mối hàn	25
Bộ loại bỏ	26



NA là dòng máy hàng đầu của chúng tôi được thiết kế phù hợp cho lĩnh vực công nghiệp thực phẩm với độ chính xác dò tìm cao .



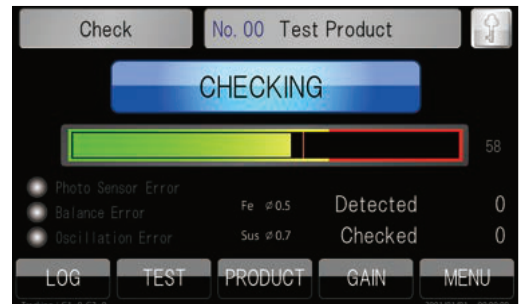
Bảng điều khiển cảm ứng màu được trang bị chức năng kiểm tra dữ liệu và khả năng vận hành trực quan, đồng thời có thể thao tác theo từng cấp độ người dùng và cấp độ giám sát.

Máy dò kim loại của chúng tôi có thể được tích hợp và kết nối với Cân kiểm tra trọng lượng, Máy dò kim loại từ tính và Hệ thống nam châm.

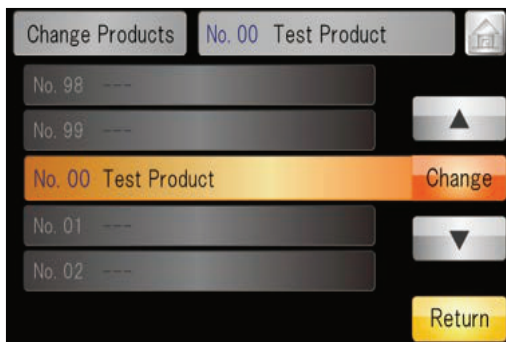
MÁY DÒ KIM LOẠI SERI NA TÍNH NĂNG



Dữ liệu có thể được lấy từ USB hoặc Ethernet



Hiển thị trực quan trạng thái hoạt động và đối tượng được kiểm tra



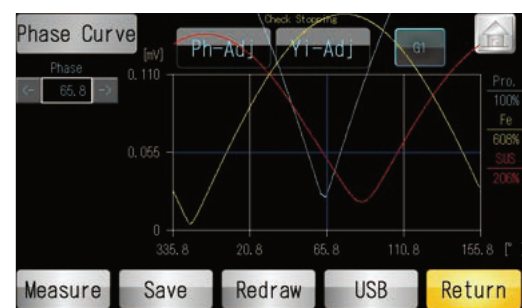
Có thể lưu trữ 100 loại sản phẩm



Quản lý lịch sử dò tìm, cài đặt máy nhanh chóng



Bảng tải có cơ cấu tháo lắp đơn giản



Hiển thị tín hiệu của sản phẩm trên màn hình pha và cho phép tùy chỉnh tần số

MÁY DÒ KIM LOẠI SERI NA

NA2-T300-CS(W)

Cho túi nhỏ và sản phẩm đơn lẻ
Băng tải có thể tháo rời dễ dàng



Model	NA1-T300-CS(W)		NA2-T300-CS(W)	NA2-T400-CS(W)
Chiều cao sản phẩm qua	50 đến 120mm			50 đến 180mm
Độ nhạy tối đa	Fe	Đường kính 0.3mm		
	SUS	Đường kính 0.7mm		
Phát hiện kim loại	Băng tải dừng và còi báo			
Chiều rộng băng tải	220 mm			300 mm
Bộ điều khiển	Đơn (chuyển mạch)		Đa tần	
Thiết bị cảm biến	Loại đồng trục (SUS)			
Băng tải	Inox SS có thể tháo rời		Inox SUS có thể tháo rời, IP65	
Tốc độ	20 m/phút (50 Hz) * Tùy chỉnh có thể điều chỉnh			
Cấp nguồn	AC 100V đến 240V, 50Hz/60Hz			
Chiều dài/Chiều cao qua	800 mm / 750 ± 50mm			1000mm/750 ± 50mm
Trọng lượng	90 kg		95 kg	105 kg

NA2-T500-CS(W)

Cho sản phẩm đóng gói lớn và nặng
Băng tải có thể tháo rời dễ dàng

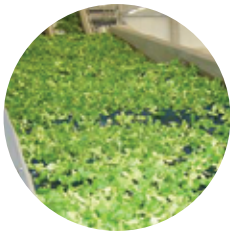


Model	NA1-T500-CS(W)		NA2-T500-CS(W)	NA2-T600-CS(W)
Chiều cao sản phẩm qua	50 đến 270mm			
Độ nhạy tối đa	Fe	Đường kính 0.4mm		
	SUS	Đường kính 0.8mm		
Phát hiện kim loại	Băng tải dừng và còi báo			
Chiều rộng băng tải	500 mm			600 mm
Bộ điều khiển	Đơn (chuyển mạch)		Đa tần	
Thiết bị cảm biến	Loại đồng trục (SUS)			
Băng tải	Inox SUS có thể tháo rời, IP65			
Tốc độ	20 m/phút (50 Hz) * Tùy chỉnh có thể điều chỉnh			
Cấp nguồn	AC 100V đến 380V, 50Hz/60Hz			
Chiều dài/Chiều cao qua	1500 mm / 750 ± 50mm			1800mm/750 ± 50mm
Trọng lượng	300 kg		300 kg	350 kg

MÁY DÒ KIM LOẠI SERI NA

NA1-T400-AD

Phù hợp dò sản phẩm số lượng lớn trước khi chiết, đóng gói hoặc chế biến. Kết hợp được thiết bị loại bỏ phù hợp với sản phẩm



Model		NA1-T400-AD	NA2-T400-AD(W)	NA2-T500-AD(W)
Chiều cao sản phẩm qua		50 đến 180mm		
Độ nhạy tối đa	Fe	Đường kính 0.4mm		
	SUS	Đường kính 0.8mm		
Phát hiện kim loại		Bộ đẩy khí		
Chiều rộng băng tải		300 mm		400 mm
Bộ điều khiển		Đơn (chuyển mạch)	Đa tần	
Thiết bị cảm biến		Loại đồng trục (SUS)		
Băng tải		Inox SS có thể tháo rời	Inox SUS có thể tháo rời, IP65	
Tốc độ		20 m/phút (50 Hz) * Tùy chỉnh có thể điều chỉnh		
Cấp nguồn		AC 100V đến 240V, 50Hz/60Hz		
Chiều dài/Chiều cao qua		800 mm / 750 ± 50mm		1000mm/750 ± 50mm
Trọng lượng		90 kg	95 kg	105 kg

NA1-T1000-BB

Cho sô cô la và bánh quy



Model	NA1-T1000-BB		NA1-T1200-BB	NA1-T1500-BB
Chiều cao sản phẩm qua	50 đến 180mm			
Độ nhạy tối đa	Fe	Đường kính 0.6mm		
	SUS	Đường kính 1.2mm		
Phát hiện kim loại	Băng tải hồi			
Chiều rộng băng tải	1000 mm	1200 mm	1500 mm	
Bộ điều khiển	Đơn (chuyển mạch)			
Thiết bị cảm biến	Loại đồng trục (SUS)			
Băng tải	Inox SUS không thể tháo rời, không chống nước			
Tốc độ	20 m/phút (50 Hz) * Tùy chỉnh có thể điều chỉnh			
Cấp nguồn	AC 100V đến 380V, 50Hz/60Hz			
Chiều dài/Chiều cao qua	2500 mm / 750 ± 50mm			
Trọng lượng	800 kg	1000 kg	1300 kg	

MÁY DÒ KIM LOẠI SERI NA

NA2-T750D-CS(W)

Cho sản phẩm thịt và cá



TÙY CHỌN THÊM

Hệ thống nổi lòng băng tải



Model	NA1-T750D-CS	NA2-T750D-AD(W)	NA2-T750D-CS(W)
Chiều cao sản phẩm qua	50 đến 270mm		
Độ nhạy tối đa	Fe	Đường kính 0.4mm	
	SUS	Đường kính 0.8mm	
Phát hiện kim loại	Bảng tải dừng và còi báo		
Chiều rộng băng tải	500 mm		
Bộ điều khiển	Đơn (chuyển mạch)	Đa tần	
Thiết bị cảm biến	Loại đồng trục (SUS)		
Bảng tải	Inox SS có thể tháo rời		Inox SUS có thể tháo rời, IP65
Tốc độ	20 m/phút (50 Hz) * Tùy chỉnh có thể điều chỉnh		
Cấp nguồn	AC 100V đến 380V, 50Hz/60Hz		
Chiều dài/Chiều cao qua	3000 mm / 750 ± 50mm		1000mm/750 ± 50mm
Trọng lượng	500 kg	550 kg	600 kg

MMVP-100R-BV

Cho chất lỏng, dịch sệt, súp và mứt
* Tùy chọn thêm bộ lọc từ tính.



Model	MVP-100R-BV(W)	NA1-R100P-BV(W)	NA1-R125P-BV(W)
Đường kính trong của ống	100mm	100mm	125mm
Độ nhạy tối đa	Fe	Đường kính 0.6mm	Đường kính 0.6mm
	SUS	Đường kính 1.0mm	Đường kính 1.2mm
Bộ loại bỏ	Van bi ba ngã		
Bộ điều khiển	Dạng đơn (cố định)		
Thiết bị cảm biến	Loại đồng trục (SUS)		
Khung	Inox SS có thể tháo rời, chống nước (IP65)		
Phạm vi tốc độ	5 đến 100 m/phút (sử dụng như tốc độ cố định)		
Cấp nguồn	AC 100V đến 2480V, 50Hz/60Hz		
Chiều dài/Chiều cao qua	1000 mm / 500 ± 50mm		
Trọng lượng	150 kg	160 kg	170 kg

MÁY DÒ KIM LOẠI SERI NA

NAI-B500-CS

Cho túi lớn và thùng carton

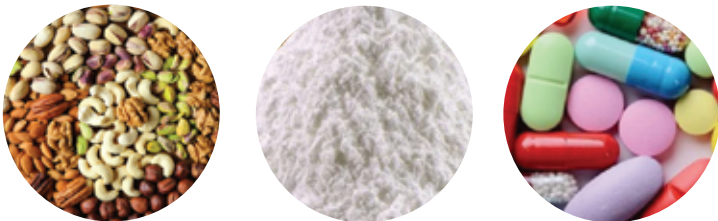
- Chiều rộng băng tải: Thiết kế lên đến 2500 mm
- Chiều cao sản phẩm đi qua: Lên đến 270 mm
- Có loại dò dạng túi đứng cho túi lớn sau khi chiết



Model	NAI-B500-CS		NAI-B600-CS	NAI-B750-CS
Chiều cao sản phẩm qua	50 đến 270mm			
Độ nhạy tối đa	Fe	Đường kính 0.4mm		
	SUS	Đường kính 0.8mm		
Phát hiện kim loại	Băng tải dừng và còi báo			
Chiều rộng băng tải	500 mm	600 mm	750 mm	
Bộ điều khiển	Đơn (chuyển mạch)			
Thiết bị cảm biến	Loại đối lập (SS)			
Băng tải	Inox SS có thể tháo rời, không chống nước			
Tốc độ băng tải	20 m/phút (50 Hz) * Tùy chỉnh có thể điều chỉnh			
Cấp nguồn	AC 200V đến 380V, 50Hz/60Hz			
Chiều dài/Chiều cao qua	1500 mm	1800 mm	2000 mm	
Trọng lượng	300 kg	3300 kg	380 kg	

MMVD-100R-RB

Dò tìm dạng rơi cho hạt, bột và viên
* Tùy chọn thêm bộ lọc từ tính.



Model	MVD-100R-RB	NAI-R100H-RBV	NAI-R150H-RB
Đường kính trong của ống	100mm	100mm	150mm
Độ nhạy tối đa	Fe	Đường kính 0.4mm	Đường kính 0.6mm
	SUS	Đường kính 0.7mm	Đường kính 1.0mm
Bộ loại bỏ	Thùng quay		
Bộ điều khiển	Dạng đơn (cố định)		
Thiết bị cảm biến	Loại đồng trục (SUS)		
Khung	Inox SS có thể tháo rời, không chống nước		
Phạm vi tốc độ	lên đến 100m/phút (dùng như tốc độ cố định)		
Cấp nguồn	AC 100V đến 240V, 50Hz/60Hz		
Chiều dài/Chiều cao qua	1000 mm		
Trọng lượng	85 kg	85 kg	120 kg

NT series

MÁY DÒ KIM LOẠI TỪ TÍNH

Sê-ri NIKKA DENSOK NT là kiểu máy dò kim loại mới Áp dụng các nguyên lý phát hiện hoàn toàn khác với các máy dò thông thường.

Nguyên lý này cho phép phát hiện các dây thép không gỉ nhỏ, mảnh vụn cắt, hạt kim loại,... vốn khó phát hiện với máy dò kim loại thông thường và Máy kiểm tra X-ray, ngay cả ở kích thước nhỏ hơn mẫu thử.

Không có lỗi

Không bị ảnh hưởng bởi độ ẩm, hàm lượng muối hoặc nhiệt độ của sản phẩm.

Cảm biến siêu nhạy

Chúng tôi dùng DÂY KIM LOẠI làm tiêu chuẩn, nhưng thậm chí kích cỡ nhỏ hơn cũng có thể được phát hiện trong một số trường hợp.

Vận hành đơn giản

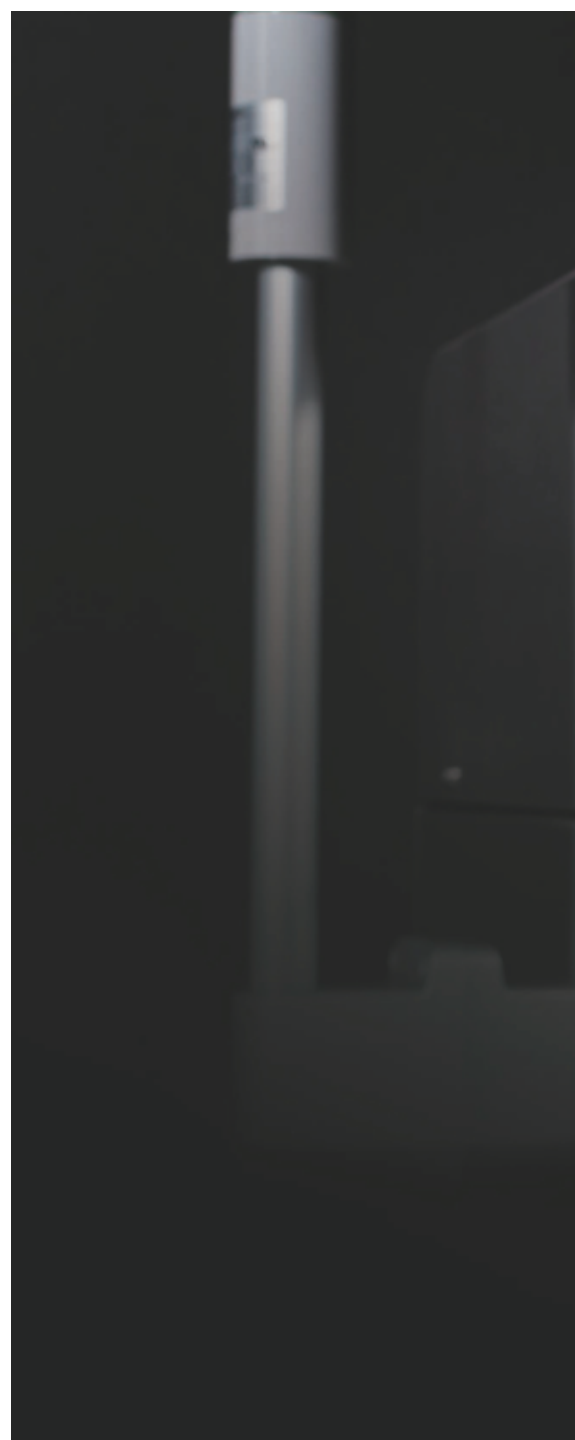
Dễ dàng sử dụng ở bất cứ đâu mà không cần cài đặt ban đầu phức tạp hoặc cần phải chuyển đổi độ nhạy cho từng sản phẩm.

Thích hợp cho bao bì nhôm

Trầm tích nhôm, lá nhôm, vụn nhôm, v.v. cũng có thể được kiểm tra với độ nhạy cao mà không bị ảnh hưởng.

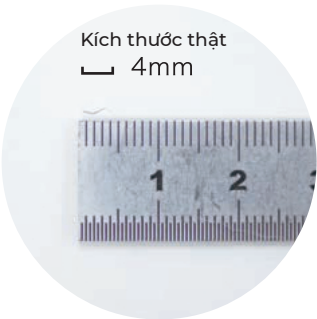
Chi phí vận hành thấp

Không có các bộ phận tiêu hao như máy dò X-ray, nên chi phí vận hành rất thấp giống như máy dò kim loại thông thường.



TRONG TIN

Dây SUS



Dải PP chứa thành phần sắt



Mô tả seri NA



NA1-T300D-CS(W)

Kiểu Bộ điều khiển

NA1: Tần số đơn
NA2: Tần số đa

- 100 sản phẩm đặt trước
- Chống nước (IP66)
- Mặt khẩu, bản ghi lịch sử, chế độ kiểm tra, giám sát đường cong pha và chức năng giám sát tiếng ồn

Kiểu cuộn phát

B-BY: Kiểu đối lập
T-R: Kiểu đồng trục

Chiều rộng hiệu quả

Chi tiết đặc biệt cho cuộn phát

D: Cuộn đôi
Y: Lắp đặt thẳng
N: Lắp đặt bên
P: Dạng ống
H: Dạng rơi thẳng
S: Máng trượt

(W): Chống nước
(S): Khung inox

Kiểu hệ thống loại bỏ sản phẩm có kim loại

B Z: Còi báo
C S: Băng tải dừng
B R: Băng tải chạy ngược
A F: Bộ gạt khí
A J: Phun khí
A D: Bộ đổ khí
L C: Quét
C U: băng tải nâng lên
C H: Trượt qua bên
B B: Băng tải lùi
B D: Băng tải rút
P M: Đặt vật đánh dấu
T F: Đánh ra ngoài
R B: Quay ngược
B V: Van bi

* Chỉ có Bộ điều khiển và Cuộn cảm biến được ghi là "+".

Ví dụ: NA1+T300



Mô tả seri V & L

MMVK-300B-CS

M: Máy dò kim loại
MM: Máy dò kim loại với hệ thống nam châm

Chiều rộng hiệu quả

Hệ thống tải

K: Băng tải
D: Rơi thẳng
S: Máng trượt
P: Dạng ống

Kiểu cuộn phát

B-BY: Kiểu đối lập
T-R: Kiểu đồng trục

Bộ điều khiển

L: MELZ

- 100 sản phẩm đặt trước
- Học và đăng ký tự động
- Chống nước (IP65)



V: MEVZ

- Cài đặt thủ công
- Chống nước (IP66)



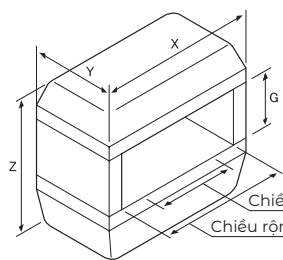
T: METZ

- Để phát hiện sắt
- Dùng cho túi nhôm
- Cài đặt thủ công và chuyển đổi độ nhạy



Cuộn cảm biến (Kiểu đối lập)

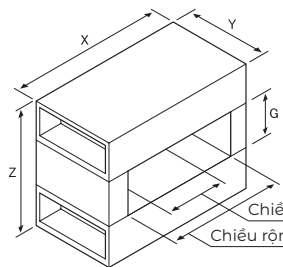
Kiểu: B



- Kiểu tần số cao
 - Thích hợp cho sản phẩm khô
 - Thích hợp cho sản phẩm dày
 - Có thể thay đổi chiều cao qua
 - Có thể tháo thành 4 phần
- * Bảo vệ chống nước là tùy chọn

	Chiều rộng hiệu quả	Chiều rộng qua tối đa	Kích thước ngoài / mm		
			X	Y	Z
2B - 250	250	366	460	235	240 + G
2B - 300	300	466	560	235	240 + G
B - 400	400	640	740	380	300 + G
B - 500	500	740	840	380	300 + G
B - 600	600	840	940	380	300 + G
B - 750	750	990	1090	380	300 + G
B - 1000	1000	1240	1340	380	300 + G
B - 1200	1200	1440	1540	380	300 + G

Kiểu: G

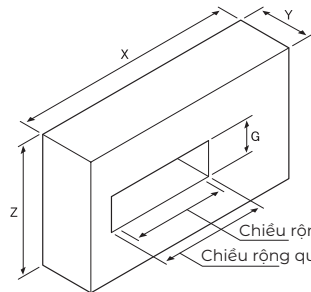


- Kiểu DC cho phát hiện sắt
- Thích hợp cho túi nhôm
- Có thể thay đổi chiều cao qua
- Có thể tháo thành 4 phần

	Chiều rộng hiệu quả	Chiều rộng qua tối đa	Kích thước ngoài / mm		
			X	Y	Z
G - 300	300	466	560	230	240 + G
G - 600	600	840	940	380	300 + G

Cuộn cảm biến (Kiểu đồng trục)

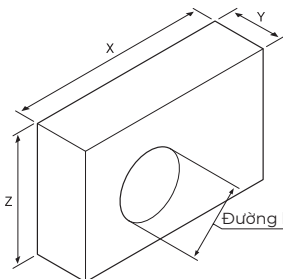
Kiểu: T



- Kiểu tần số cao
 - Thích hợp cho sản phẩm ướt
 - Thích hợp cho sản phẩm mỏng và rộng
- * Bảo vệ chống nước là tùy chọn

	Chiều rộng hiệu quả	Chiều rộng qua	Kích thước ngoài / mm			
			X	Y	Z	G
T - 70	100	70	200	120	230	Trong khoảng 30
T - 250	310	250	563	230	200 + G	Trong khoảng 140
			593	250		Trên 150
T - 300	360	300	613	230	200 + G	Trong khoảng 140
			643	250		Trên 150
T - 400	460	400	713	230	200 + G	Trong khoảng 140
			743	300		Trên 150
T - 500	560	500	813	230	200 + G	Trong khoảng 140
			843	300		Trên 150
T - 600	660	600	913	230	200 + G	Trong khoảng 140
			943	300		Trên 150
T - 750	810	750	1063	230	200 + G	Trong khoảng 140
			1093	300		Trên 150
T - 1000	1120	1000	1373	230	200 + G	Trong khoảng 140
			1403	300		Trên 150
T - 1500	1620	1500	1903	230	240 + G	Từ 80
T - 2000	2120	2000	2403	300	300 + G	Từ 80
T - 2500	2620	2500	2903	300	300 + G	Từ 80

Kiểu: R



- Kiểu tần số cao
 - Tương ứng với đường ống, rơi tự do và màng tròn.
 - Thích hợp cho bột, chất lỏng, dịch sệt.
- * Bảo vệ chống nước là tùy chọn

	Chiều rộng hiệu quả	Đường kính ống	Kích thước ngoài / mm		
			X	Y	Z
R - 50	70	50	333	120	210
R - 100	125	100	403	120	280
R - 125	150	125	403	120	280
R - 150	175	150	483	200	360
R - 200	225	200	483	200	360
R - 250	280	250	603	200	480
R - 300	330	300	603	200	480

MÁY DÒ KIM LOẠI SERI NT

NT3R-K4B

Máy dò dạng băng tải/Tiêu chuẩn & Cao cấp
Dò được cho túi màng nhôm



	Tiêu chuẩn			Cao cấp		
Model	NT2R-J6B	NT2R-K4B	NT2R-L2B	NT3R-J6B	NT3R-K4B	NT3R-L2B
Chiều rộng băng tải	150mm	250mm	350mm	150mm	250mm	350mm
Chiều cao hiệu quả	40mm / 60mm * Tùy chọn thêm cho kích cỡ khác			60mm / 120mm * Tùy chọn thêm cho kích cỡ khác		
Độ nhạy trên băng tải	Fe đường kính 0.4mm / Dây thép không gỉ đường kính 0.2 x 2 mm					
Tốc độ	5 đến 60 m/phút					
Chiều dài	1110mm		1410mm	1460mm		1760mm
Kích thước / mm	A	400	500	550		700
	B	700	900	900		1050
	C	610	845	650	700	845
Trọng lượng tải	Tối đa 2 kg * Vui lòng thông báo cho chúng tôi nếu hơn 2 kg					
Cấp nguồn	AC 100 đến 240 V / 200 đến 380 V ± 10% (50/60Hz)					

So sánh các tính năng giữa NT2R và NT3R

	NT 2 R	NT 3 R
Bao bì kim loại	● ● ● ● ● ●	● ● ● ● ● ●
Màng nhôm	● ● ● ● ● ●	● ● ● ● ● ●
Lon nhôm	● ● ● ● ● ●	● ● ● ● ● ●
Độ nhạy trên băng tải	● ● ● ● ● ●	● ● ● ● ● ●
Độ nhạy cách băng tải 30 mm	● ● ● ● ● ●	● ● ● ● ● ●

NT3P-2S-BV

Dạng ống cho chất lỏng, mứt và dịch sệt



ĐIỂM NHÌN

Bộ cảm biến có thể tháo rời



- Phát hiện sắt đường kính 0.5 mm trong đường ống
- Không ảnh hưởng bởi không khí lẫn trong sản phẩm
- Tùy chọn vật liệu ống inox SUS316

Model	NT3P-2S-BV
Kích thước ống	dưới 2.0S
Độ nhạy trên mọi khu vực	Fe đường kính 0.5 mm / dây SUS đường kính 0.2 X 2mm
Tốc độ bơm	10 đến 100 m/phút
Nhiệt độ phù hợp	Sản phẩm: 1 đến 80 độ / Môi trường: 0 đến 40 độ.
Nguồn điện	AC 100 đến 240V ± 10% (50/60/Hz)

MÁY DÒ KIM LOẠI SERI NT NT2R-JS2

Kiểu máng cho túi nhỏ chạy liên tục



Model	NT2R-J2S
Chiều rộng hiệu quả	120 mm
Độ nhạy trên mọi khu vực	Fe đường kính 0.6 mm / dây SUS đường kính 0.2 X 2mm
Tốc độ	10 đến 100 m/phút
Nguồn điện	AC 100 đến 240V ± 10% (50/60/Hz)

Seri NiX

MAY X-RAY

NiX là hệ thống kiểm soát chất lượng sản phẩm tự động sử dụng công nghệ xử lý hình ảnh tia X mới nhất.



Hệ thống chụp ảnh bên trong các sản phẩm thực phẩm để phát hiện các dị vật (ví dụ: kim loại, đá, thủy tinh, xương và nhựa đặc), đồng thời đảm bảo chất lượng tổng thể của sản phẩm, ví dụ như hình thức và hình dạng, tính đầy đủ và nguyên vẹn của sản phẩm

Độ ẩm cao, hàm lượng muối hoặc các loại vật liệu đóng gói khác nhau (như kim loại) không ảnh hưởng đến việc kiểm tra.

TRONG TIN

MÁY X-RAY
NiX-240M

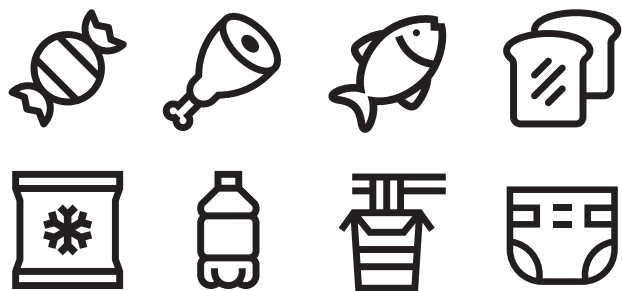
Hiệu suất cao với chức năng điều khiển dễ dàng



KHU VỰC PHÁT HIỆN

Cao	Rộng
110mm	130mm
100mm	140mm
90mm	150mm
80mm	160mm
70mm	170mm
60mm	180mm
50mm	190mm
40mm	200mm
30mm	210mm
20mm	220mm
10mm	230mm
0mm	240mm

SẢN PHẨM MỤC TIÊU PHÁT HIỆN



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Khu vực phát hiện (RxC)	240mm x 110mm
Tốc độ băng tải	tối đa 78m/phút
Điện năng X-ray	30-60kV, 0.2 2.5mA, max100W
Rò rỉ X-ray	nhỏ hơn 1μSv/h
Máy dò	Máy quét tuyến tính, độ phân giải 0,4mm
Phần mềm	Hệ thống kiểm tra tia X SW
Hệ thống vận hành	Windows 10
Kết nối	USB, Ethernet
HMI	Màn hình màu 12" TFT LCD
Hệ thống vận hành	Windows 10
Nhiệt độ vận hành	Nhiệt độ môi trường 32 95°F (0–35°C)
Làm mát	Tùy chọn thêm điều hòa không khí
Cấp IP	IP54
Độ ẩm tương đối	30-85%, không ngưng tụ
Cấp nguồn hệ thống	110/240VAC, 50 60Hz
Kích thước (RxSxC)	(800/1200mm x 515mm x 2000mm)
Trọng lượng	100 kg
Chất liệu	Inox, đánh sọc
Tùy chọn bộ phận loại	Tùy chọn loại bằng khí hoặc bộ đẩy với thùng

MÁY X-RAY

NiX-400M

Kiểm tra cho các sản phẩm lớn



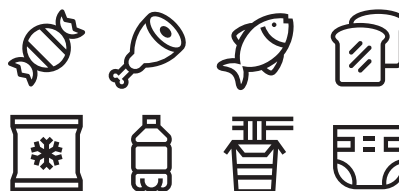
Trải nghiệm khả năng kiểm soát chất lượng sản phẩm hàng đầu với NiX-400M, một hệ thống tự động với công nghệ xử lý hình ảnh tia X tiên tiến. Được thiết kế đặc biệt để kiểm tra các sản phẩm lớn, NiX-400M cung cấp khả năng quét toàn diện để đảm bảo an toàn và chất lượng vượt trội.

Bằng cách chụp ảnh chi tiết bên trong sản phẩm thực phẩm, NiX-400M vượt trội trong việc phát hiện các vật thể lạ như kim loại, đá, thủy tinh, xương và nhựa đặc. Đồng thời, nó kiểm tra một cách tỉ mỉ chất lượng tổng thể, bao gồm hình thức và hình dạng, tính đầy đủ và tính toàn vẹn cũng như sự hiện diện hay vắng mặt của các thành phần quan trọng. Ngay cả những sản phẩm có độ ẩm cao, hàm lượng muối hoặc vật liệu đóng gói như kim loại cũng không gây khó khăn cho quy trình kiểm tra.

CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Tốc độ băng tải	6m/phút - 60m/phút
Tải trọng của băng tải	Tối đa 5kg (20kg tùy chọn thêm)
Điện năng X-ray	40-80kV, 0.2-5.0mA, max200W
Rò rỉ X-ray	nhỏ hơn 1μSv/h
Máy dò	Máy quét tuyến tính, độ phân giải 0,4mm
Phần mềm	Hệ thống kiểm tra tia X SW
Hệ thống vận hành	Windows 10
Kết nối	USB, Ethernet
HMI	Màn hình màu 12" TFT LCD
Hệ thống vận hành	Windows 10
Nhiệt độ vận hành	Nhiệt độ môi trường 32-95°F (0-35°C)
Làm mát	Tùy chọn thêm điều hòa không khí
Cấp IP	Ip65
Độ ẩm tương đối	30-85%, không ngưng tụ
Cấp nguồn hệ thống	110/240VAC, 50-60Hz
Kích thước (RxSxC)	(1000/1400mm x 702mm x 2020mm)
Trọng lượng	250 kg
Chất liệu	Inox, đánh sọc
Tùy chọn bộ phận loại	Tùy chọn loại bằng khí hoặc bộ đẩy với thùng

SẢN PHẨM MỤC TIÊU PHÁT HIỆN



KHU VỰC PHÁT HIỆN

Cao	Rộng
200mm	190mm
180mm	220mm
160mm	240mm
140mm	255mm
120mm	275mm
100mm	295mm
80mm	315mm
60mm	335mm
40mm	355mm
20mm	370mm
0mm	390mm

Đáp ứng các nhu cầu kiểm tra đa dạng,
Hệ thống kiểm tra bằng tia X của chúng tôi với nhiều model phù hợp với các
sản phẩm và môi trường khác nhau.

Chúng tôi có nhiều loại thiết bị phù hợp với mọi môi trường của khách hàng.
Hãy cung cấp thêm thông tin để chúng tôi tư vấn thiết bị phù hợp với yêu cầu

NiX-SIDE

Cho chai



NiX-240M1

Với bộ loại bỏ nhỏ gọn



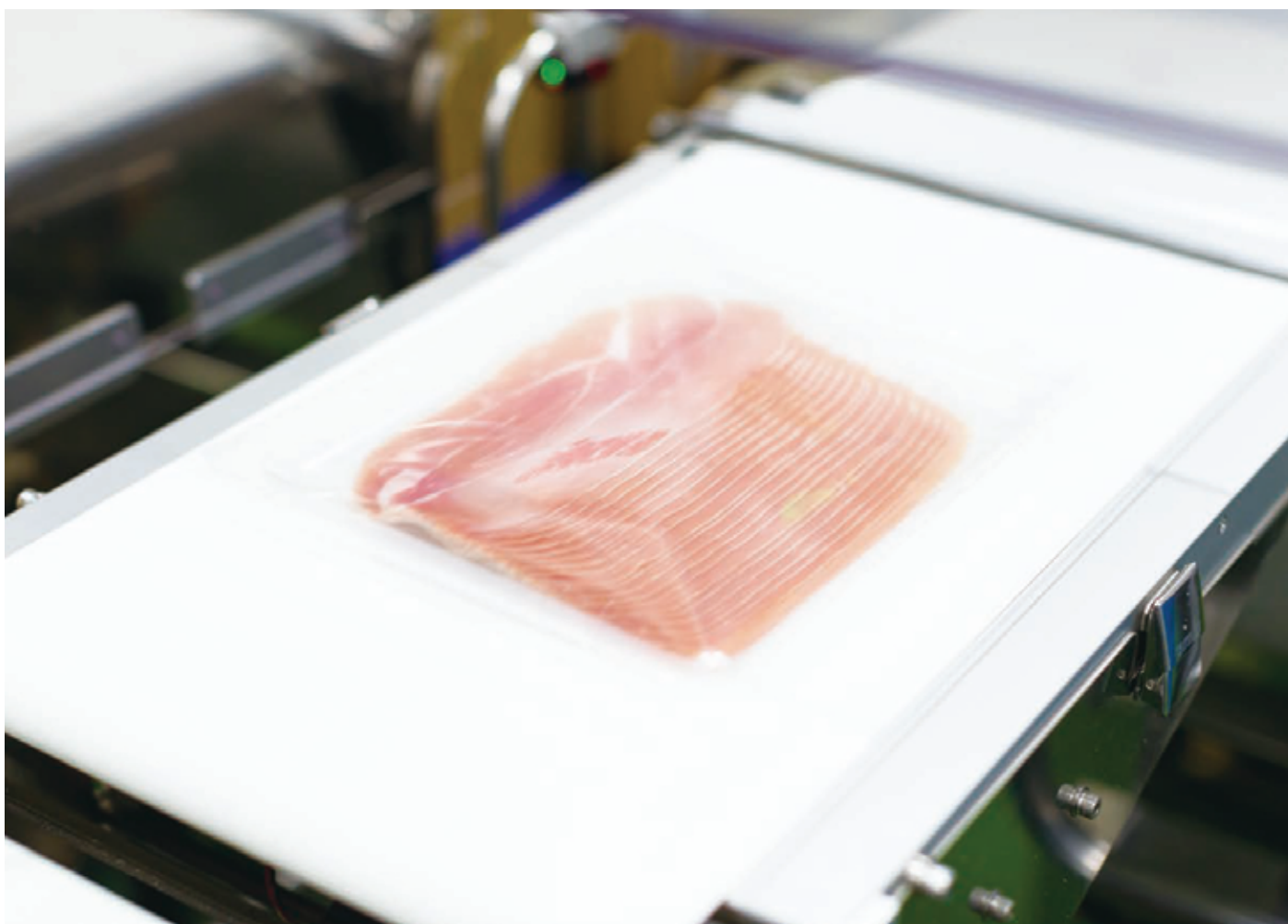
CÂN KIỂM TRA

DenolVay
CÂN KIỂM TRA

Cân kiểm tra trọng lượng Nikka Densok Seri Model NW đã được cải tiến với độ chính xác cao hơn, khả năng làm sạch dễ dàng hơn , bổ sung các chức năng của máy giúp thân thiện với người vận hành hơn.

DENOX
MÁY DÒ KIM LOẠI & CÂN KIỂM TRA

Model kết hợp với máy dò kim loại. Cài đặt sản phẩm khóa liên động và chia sẻ với bộ loại bỏ được thực hiện.



CHỨC NĂNG



Chất lượng vệ sinh cao

Cấu trúc khung ngăn bụi tích tụ.
Thiết kế tích hợp tủ điều khiển với ống inox tròn.
* Cấu trúc khung khác với loại không chống nước.



Dễ vận hành

Tốc độ băng tải tối ưu được cài đặt tự động bằng cách nhập chiều dài sản phẩm và số lượng sản xuất.
Thời gian kích hoạt Bộ loại bỏ cũng tự động theo.

Sử dụng được cho nhiều ngôn ngữ

Có thể hiển thị tiếng Nhật, tiếng Anh, tiếng Trung.

Hỗ trợ các quản lý kiểm tra dữ liệu

Chức năng trích xuất dữ liệu vận hành bằng các phương tiện ghi (USB, Ethernet) để kiểm tra hoặc sắp xếp lịch sử, và máy in cũng có thể được thêm vào tùy chọn.

Kiểu trọng lượng nhẹ

NW1-C2040W+AF200



Model	NW1-C2040W+AF200
Phạm vi trọng lượng	5 tới 1000 g
Sai số	± 0.2 g
Công suất tối đa	130 sản phẩm/phút
Cân tối đa	1000.0 g
Khoảng thang đo	0.1 g
Kích cỡ sản phẩm	R20 X 190mm D30-300mm C5 X 150mm
Tốc độ băng tải	Thay đổi
Nguồn điện	AC 100 đến 240V ± 10%, 50/60HZ 300VA
Chiều dài	750 ± 50mm
Trọng lượng	120 kg

Kết hợp với máy dò kim loại

ND1-C2040TAW+AF200



Model	ND1-C2040TAW+AF200	
Phạm vi trọng lượng	5 đến 1000 g	
Sai số	± 0.2 g	
Công suất tối đa	130 sản phẩm/phút	
Cân tối đa	1000.0 g	
Khoảng thang đo	0.1 g	
Kích cỡ sản phẩm	R20 X 190mm D30-300mm C5 X 100mm	
Độ nhạy	Fe	Đường kính 0.4 mm
	SUS	Đường kính 0.8 mm
Tốc độ băng tải	Thay đổi	
Nguồn điện	AC 100 đến 240V ± 10%, 50/60HZ 300VA	
Chiều dài	750 ± 50mm	
Trọng lượng	200 kg	

ND1-D3055TAW+AF300



Model	ND1-D3055TAW+AF300	
Phạm vi trọng lượng	5 đến 2000 g	
Sai số	± 1.0 g	
Công suất tối đa	100 sản phẩm/phút	
Cân tối đa	2000.0 g	
Khoảng thang đo	0.5 g	
Kích cỡ sản phẩm	R20 X 290mm D30-350mm C5 X 100mm	
Độ nhạy	Fe	Đường kính 0.4 mm
	SUS	Đường kính 0.8 mm
Tốc độ băng tải	Thay đổi	
Nguồn điện	AC 100 đến 240V ± 10%, 50/60HZ 300VA	
Chiều dài	750 ± 50mm	
Trọng lượng	220 kg	

Kiểu trọng lượng nặng

NW1-H6011

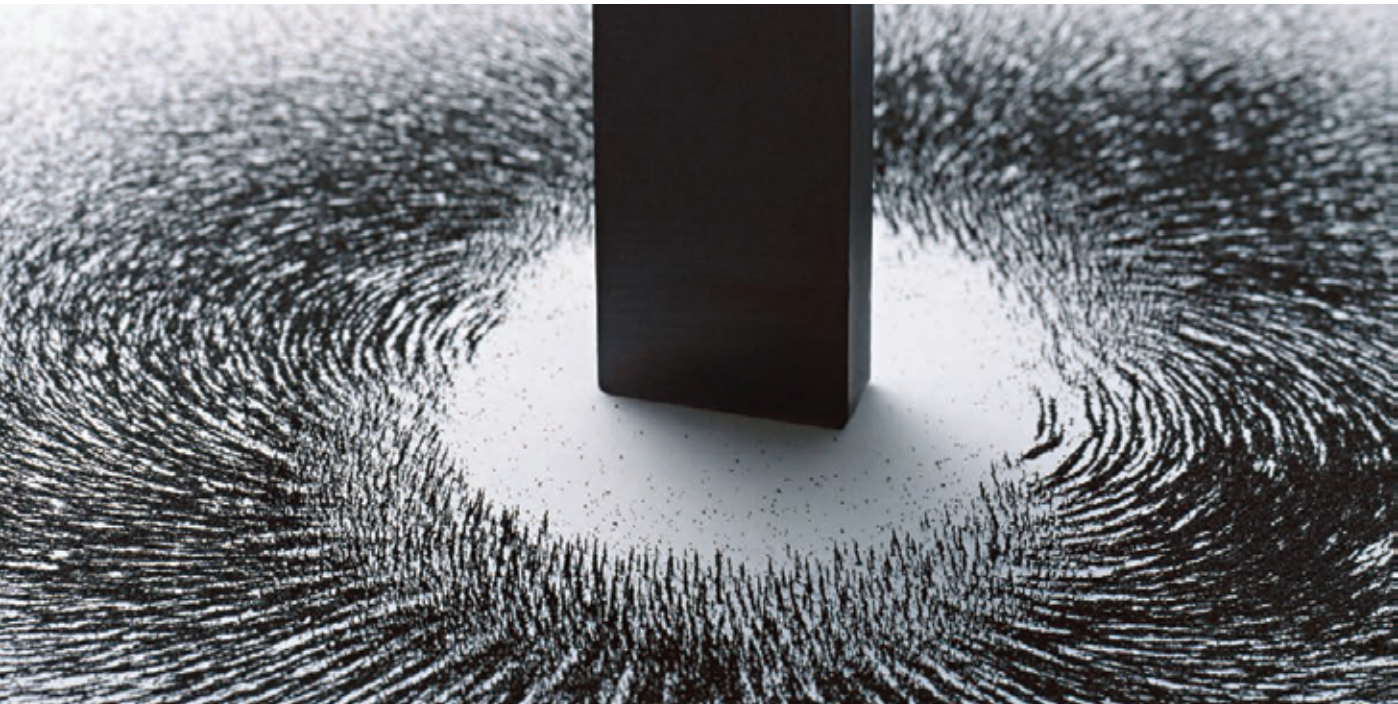


Model	NW1-H6011	
Phạm vi trọng lượng	10 g đến 40 kg	
Sai số	± 10 g	
Công suất tối đa	20 sản phẩm/phút	
Cân tối đa	40 kg	
Khoảng thang đo	0.01 g	
Kích cỡ sản phẩm	R300-500 X D600-800mm C10mm ~	
Tốc độ băng tải	Thay đổi	
Nguồn điện	AC 100 đến 240V ± 10%, 50/60HZ 300VA	
Chiều dài	550 ± 50mm	
Trọng lượng	150 kg	



HỆ THỐNG NAM CHÂM

Có thể gắn nam châm với chi phí thấp và tiết kiệm không gian, đồng thời có thể loại bỏ các kim loại nhỏ mà máy dò kim loại không thể phát hiện được. Cải thiện tốc độ loại bỏ hạt kim loại lạ khi kết hợp với máy dò kim loại.



Thanh nam châm

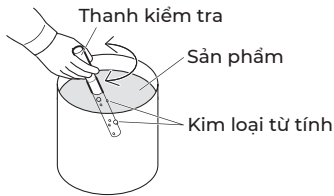
- Sử dụng nam châm sắt đất với thành phần đất hiếm tạo từ trường cao bán vĩnh cửu
- Từ trường cao với mật độ từ thông bề mặt tối đa từ 1,0 Tesla (10.000 Gauss) đến 1,2 Tesla (12.000 Gauss) để loại bỏ kim loại từ tính và bột mài mòn SUS.
- Đường kính nam châm Ø 25mm , Ø 20mm.
- Thiết kế với khả năng chịu nhiệt

Model	Size (mm)
BMG-1E100	100
BMG-1E150	150
BMG-1E200	200
BMG-1E250	250
BMG-1E300	300

Thanh kiểm tra

- Thanh kiểm tra có tay cầm gắn với thanh nam châm. Công việc đơn giản để loại bỏ sắt

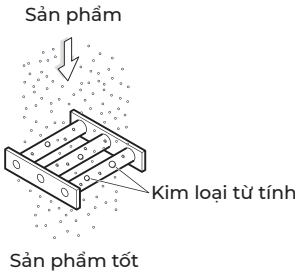
Model	Size (mm)
CHB-1E200	200
CHB-1E250	250



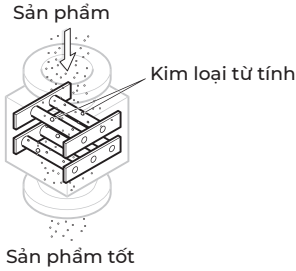
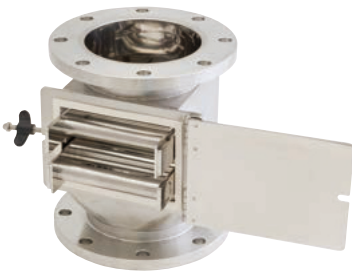
Nam châm lưới / Bẫy từ nam châm

Cho bột và viên nhỏ

- Một thiết bị có các thanh nam châm được sắp xếp theo mô hình lưới được gắn vào các phễu và máng nạp bột và hạt để loại bỏ kim loại từ tính và bột SUS.
- Có thể được treo hoặc đặt trong bể nước và cũng có hiệu quả để loại bỏ sắt khỏi chất lỏng.



Model	Size (mm)
SGM-1EK110110	110 × 110
SGM-1EK170170	170 × 170
SGM-1EM220220	220 × 220
SGM-1EN280280	280 × 280
SGM-1EP330330	330 × 330



Model	Đường kính danh nghĩa*	Chiều dài
CFM-1EJK50A	50A	290
CFM-1EKL100A	100A	310
CFM-1EKL125A	125A	300
CFM-1EKL150A	150A	300
CFM-1ELM200A	200A	320
CFM-1EMN250A	250A	340
CDM-1ENP300A	300A	360

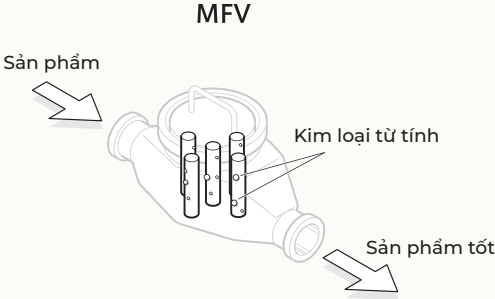
* Mặt bích JIS-5K theo tiêu chuẩn

Mật độ từ thông lớn nhất trên bề mặt của thanh nam châm cách đặt thanh nam châm giúp cho sản phẩm chạm vào nam châm có hiệu quả.

Bộ lọc từ tính

Cho chất lỏng

- Nam châm gắn trong đường ống dẫn sản phẩm
- Thiết kế kín hoàn toàn giúp đảm bảo yêu cầu vệ sinh
- Đường kính của nam châm Ø 25mm.



Model	Đường kính danh nghĩa
MFV-1EN15H	1.5S
MFV-1EN20H	2.0S
MFV-1EN25H	2.5S
MFV-1EN30H	3.0S
MFV-1EN35H	3.5S



Model	Đường kính danh nghĩa
MFC-1EJ15H	1.5S
MFC-1EJ20H	2.0S

PIF-100 SERI MÁY DÒ LỖ RỖ

Hệ thống điện áp cao seri PTF

Mục tiêu kiểm tra: Các sản phẩm đóng gói nhựa



Cho sản phẩm cốc & túi

PIF-121



ĐIỂM NHÌN

Điện cực có thể được thay thế bằng một chạm.



Model	PIF-121	PIF-122
Loại sản phẩm	Cốc và túi	Túi và túi mềm
Công suất	Tối đa 220 sản phẩm/phút	100 sản phẩm/phút
Nguồn điện	AC 100 đến 240V ± 10% (50/60/Hz)	
Nguồn khí	0.5 Mpa 200 lít/phút	
Trọng lượng	300 kg	500 kg

Cho xúc xích & giăm bông

PIF-101



ĐIỂM NHÌN

Thích hợp cho hình dạng xúc xích với các chốt tròn



Model	PIF-101	PIF-102
Loại sản phẩm	Xúc xích bọc	Giăm bông & xúc xích lớn
Công suất	220 sản phẩm/phút	220 sản phẩm/phút
Nguồn điện	AC 200 đến 380V ± 10% (50/60/Hz)	
Nguồn khí	0.5 Mpa 200 lít/phút	
Trọng lượng	500 kg	

SLI SERI

MÁY DÒ RÒ RỈ MỐI HÀN

Hệ thống điều áp sê-ri SLI

Mục tiêu kiểm tra: Các sản phẩm cốc hàn với tấm nhựa hoặc nhôm



Seri SLI cho sản phẩm cốc



Cách vận chuyển	Bằng tải (tích hợp với dây chuyền hiện có)
Tốc độ	Tối đa 45m/phút
Công suất	Tối đa 45m/phút
Nguồn điện	AC 100V, 500VA 50/60Hz
Bộ loại bỏ	Phun khí / Bộ đẩy khí

BỘ LOẠI BỎ KẾT HỢP VỚI MÁY DÒ

Các model thiết bị tương ứng Máy dò kim loại, Cân kiểm tra và Máy dò lỗ rò



■ Kiểu phun khí

Model	Size	Chiều rộng băng tải	Công suất loại bỏ	Trọng lượng sản phẩm	Mức loại bỏ	Trọng lượng
AJ150	R310 X D500	R150	100 đến 300 sp/phút	2 ~ 300g	3	11kg
AJ200	R310 X D500	R200	100 đến 300 sp/phút	2 ~ 300g	3	13kg

* Phạm vi áp suất vận hành: 0.2 đến 0.6 Mpa



■ Kiểu gạt khí

Model	Size	Chiều rộng băng tải	Công suất loại bỏ	Trọng lượng sản phẩm	Mức loại bỏ	Trọng lượng
AF150	R540 X D500	R150	100 đến 150 sp/phút	5 ~ 1000g	3	37kg
AF200	R540 X D600	R200	101 đến 130 sp/phút	5 ~ 2000g	3	42kg
AF250	R540 X D700	R250	102 đến 110 sp/phút	5 ~ 2000g	3	48kg
AF300	R540 X D800	R300	80 đến 100 sp/phút	5 ~ 2000g	3	60kg

* Phạm vi áp suất vận hành: 0.2 đến 0.6 Mpa



■ Kiểu băng tải đổ

Model	Size	Chiều rộng băng tải	Công suất loại bỏ	Trọng lượng sản phẩm	Hành trình	Mức loại bỏ	Trọng lượng
BD150	R360 X D400	R150	50 đến 80 sp/phút	5 ~ 2000g	100mm	3	15kg
BD200	R360 X D500	R200	50 đến 80 sp/phút	5 ~ 2000g	130mm	3	20kg
BD250	R470 X D500	R250	50 đến 80 sp/phút	5 ~ 2000g	145mm	3	40kg
BD300	R500 X D550	R300	50 đến 80 sp/phút	5g ~ 10kg	150mm	3	50kg

* Phạm vi áp suất vận hành: 0.2 đến 0.6 Mpa



■ Kiểu tấm trượt

Model	Size	Chiều rộng băng tải	Công suất loại bỏ	Trọng lượng sản phẩm	Mức loại bỏ	Trọng lượng
CH200	850W × 1090 L	200W	340 pcs/min.	5 ~ 300g	3	110kg

* Phạm vi áp suất vận hành: 0.2 đến 0.6 Mpa

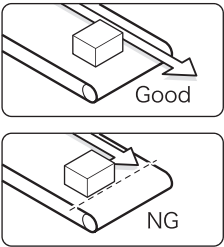
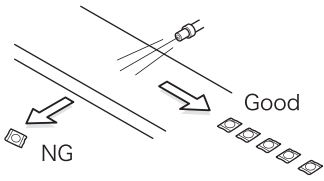
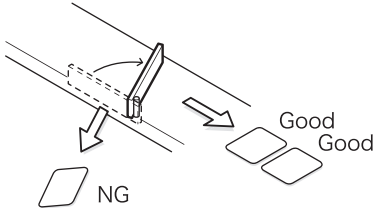
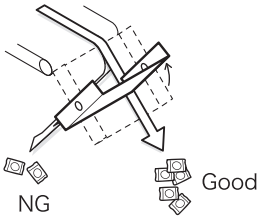
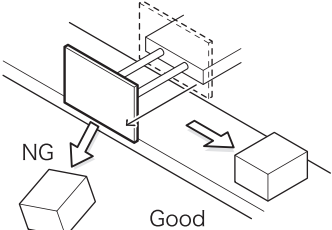
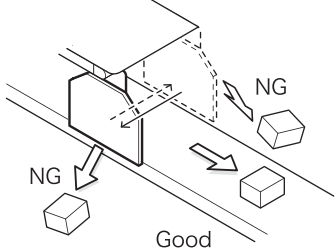
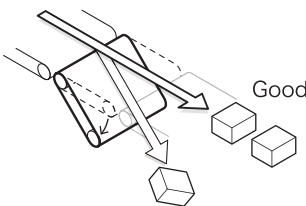
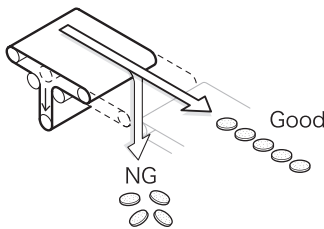
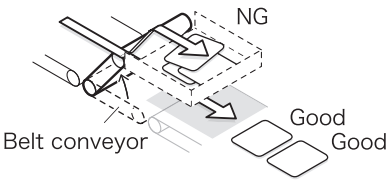
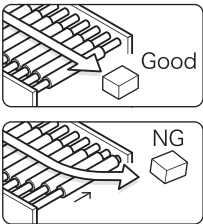
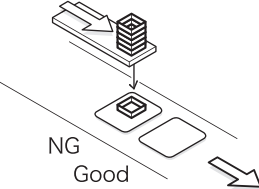
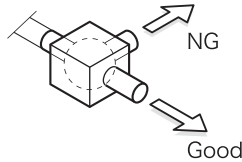
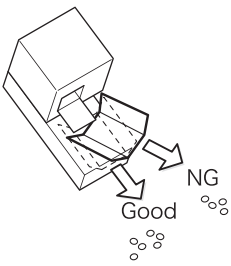
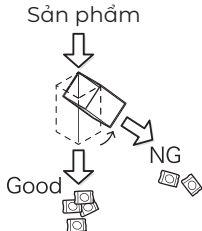


■ Kiểu bộ đẩy khí

Model	Chiều dài băng tải	Chiều rộng băng tải	Mức loại bỏ	Trọng lượng sản phẩm
AP300	670L	300W	2	1 ~ 5kg
AP400	820L	400W	2	1 ~ 10kg
AP500	1045L	500W	2	1 ~ 20kg
AP600	1200L	600W	2	1 ~ 30kg

* Phạm vi áp suất vận hành: 0.2 đến 0.6 Mpa

Hệ thống loại bỏ

CS: Băng tải dừng 	AJ: Phun khí 	AF: Bộ gạt khí 
AD: Bộ đồ khí 	AP: Bộ đẩy khí 	LC: Bộ quét 
BD: Băng tải rơi 	BB: Băng tải lùi 	CU: Băng tải nâng 
CH: Tấm trượt 	PM: Bộ đánh dấu 	BV: Van bi 
TF: Xoay ra 	RB: Thùng quay 	

MÁY DÒ KIM LOẠI

Bằng việc cung cấp Máy & Thiết bị với CHẤT LƯỢNG VƯỢT TRỘI - GIÁ CẢ HỢP LÝ - DỊCH VỤ BẢO TRÌ BẢO HÀNH CHU ĐÁO, NHANH CHÓNG, triết lý tận tâm và trách nhiệm trong kinh doanh, Trọng Tín đã góp phần vào sự thành công và phát triển của nhiều Công ty trên toàn quốc. Sự hài lòng và tín nhiệm của Quý khách hàng chính là chìa khóa thành công của CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ THỰC PHẨM ĐỒ UỐNG TRỌNG TÍN



LIÊN HỆ



+ (028) 62656788



trongtinbfm@gmail.com
www.trongtinbfm.vn



21/9B Tổ 72, Ấp Trung Đông,
xã Thới Tam Thôn, Hóc Môn, Tp.HCM